

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ
INTERFOOD SHAREHOLDING COMPANY

ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018 (HỢP NHẤT)
PROPOSAL FOR BUSINESS PLAN 2018 (CONSOLIDATION)

Căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế năm 2017 và năng lực hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) và công ty con, Hội đồng Quản trị Công ty đề xuất Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty xem xét và phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau:

Pursuant to the actual business result in 2017 and business operation capacity of Interfood Shareholding Company (“Company”) and its subsidiary, the Board of Management of the Company proposes to the Annual General Meeting of Shareholders in 2018 of the Company to consider and approve the Business plan in 2018 of the Company as below:

Chi tiêu <i>Description</i>	Kế hoạch 2018 <i>Plan 2018</i>		Thực hiện 2017 <i>Actual 2017</i>		Tỷ lệ <i>Variance</i>
	USD	VND '000	USD	VND '000	%
Tổng doanh thu/ Sales	72,942,527	1,658,348,340	67,116,436	1,525,892,179	9%
Các khoản giảm trừ/ <i>Deductions</i>	4,930,519	112,095,355	4,627,558	105,207,528	7%
Doanh thu thuần <i>Net sales and services</i>	68,012,007	1,546,252,986	62,488,878	1,420,684,651	9%
Giá vốn hàng bán <i>Cost of goods sold</i>	43,409,538	986,915,853	40,383,801	918,125,713	7%
Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	24,602,469	559,337,133	22,105,078	502,558,938	11%
Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial income</i>	-	-	378,038	8,594,690	-
Chi phí hoạt động tài chính <i>Financial expenses</i>	147,000	3,342,045	516,978	11,753,484	-72%
Chi phí bán hàng <i>Selling expenses</i>	18,229,063	414,437,736	14,524,848	330,222,418	26%
Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>General & administration expenses</i>	1,569,938	35,692,548	1,581,185	35,948,250	-1%
Lãi / (lỗ) từ hoạt động kinh doanh <i>Net operating profit/(loss)</i>	4,656,468	105,864,804	5,860,105	133,229,477	-21%
Thu nhập khác/ <i>Other income</i>	-	-	59,176	1,345,361	-
Chi phí khác/ <i>Other expenses</i>	240,000	5,456,400	248,933	5,659,481	-4%
Lợi nhuận khác/ Other loss, net	(240,000)	(5,456,400)	(189,757)	(4,314,120)	26%
Lãi / (Lỗ) trước thuế <i>Profit/ (Loss) before tax</i>	4,416,468	100,408,404	5,670,348	128,915,357	-22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành/ <i>Current CIT expenses</i>	883,294	20,081,681	612,329	13,921,299	44%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại <i>Deferred CIT expenses</i>	(696,459)	(15,834,002)	(47,101)	(1,070,851)	1379%
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế <i>Net profit/(loss) after tax</i>	4,229,634	96,160,725	5,105,120	116,064,909	-17%
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số/ <i>Minority interest</i>	2,316	52,644	(1,088)	(24,743)	-
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm <i>Net Profit / (Loss) for the year</i>	4,227,318	96,108,081	5,106,209	116,089,652	-17%

TÓM TẮT KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018

OUTLINE OF BUSINESS PLAN 2018

Trong năm 2018, Công ty đặt mục tiêu tăng doanh số và mở rộng thị trường nhằm tạo ra lợi nhuận kinh doanh cũng như tăng giá trị tài sản thương hiệu với các kế hoạch như sau:

In 2018, the Company aims at increasing its sales volume and expanding its market to generate operating profit as well as improve its brand equity with following strategies:

- Tăng doanh số và mở rộng thị trường bằng cách tối ưu hóa hệ thống phân phối, tăng cường hoạt động bán hàng và nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ kinh doanh.

Increase sales volume and expand market by optimizing distribution system, enhance selling activities and improve competencies of its sales team.

- Thực hiện giảm chi phí sản xuất và sử dụng hiệu quả chi phí bán hàng nhằm đảm bảo lợi nhuận.

Implementation of manufacturing cost reduction; and effective and efficient use of selling expenses to ensure profitability.

- Xây dựng chiến lược sản phẩm dựa trên nhu cầu khách hàng và phát triển hệ thống hỗ trợ thực hiện chiến lược thông qua chuỗi cung ứng nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của IFS trong tương lai. Trong năm 2018, Công ty đầu tư thêm nguồn lực vào các hoạt động bán hàng, như hoàn tất triển khai DMS (Hệ thống Quản lý Phân phối) và các hoạt động tiếp thị nhằm gia tăng mức độ nhận biết thương hiệu của người tiêu dùng. Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, do Công ty đã sử dụng hết số lỗ lũy kế trong năm 2017 nên thuế suất chính thức sẽ được áp dụng để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Bên cạnh đó, thuế thu nhập hoãn lại sẽ được ghi nhận dựa trên dự kiến Công ty kinh doanh có lãi trong tương lai.

Build a product strategy based on consumer needs and develop systems to support the implementation of that strategy throughout the supply chain, leading to strengthened IFS competitiveness in the future. In 2018, the Company invests more resources in selling activities, such as completion of rolling out DMS (Distribution Management System) and marketing activities in order to enhance recognition of brands by consumers. Regarding corporate income tax, for accumulated loss in the past has been fully utilized in 2017, official tax rate is applied to the calculation of current CIT. Besides that, deferred tax asset is recognized considering the Company's future profitability.

Công ty dự kiến tổng doanh thu sẽ đạt khoảng 1.658 tỷ đồng (tăng khoảng 9% so với năm 2017) và lãi trước thuế trong năm 2018 khoảng 100 tỷ đồng.

Total gross sales is expected to be approximately VND 1,658 billion (increase of approximately 9% compared to the year 2017) and profit before tax in 2018 is about VND 100 billion.

Thay mặt Công ty/ On behalf of the Company
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc/ Chairman cum General Director

(đã ký tên và đóng dấu/ signed and sealed)

YUTAKA OGAMI